

DỰ ÁN ĐẦU TƯ

TRẠI CHĂN NUÔI LỢN NÁI SIÊU NẠC

Chủ đầu tư:	
Địa chỉ:	<i>tỉnh Thái Nguyên</i>
Điện thoại:	
Đơn vị lập <u>dự án</u> đầu tư:	<i>Công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Thảo Nguyên Xanh</i>
Địa chỉ:	<i>HCM</i>
Điện thoại:	<i>08.3911.8552</i>

Phổ Yên, ngày..... tháng....năm 2009

GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

Mục lục	2
Chương I: Tổng quan chung về dự án	4
I. Giới thiệu chung về dự án.....	4
II. Giới thiệu về chủ đầu tư	5
1. Giới thiệu chung về chủ đầu tư	5
2. Người đại diện theo pháp luật của công ty:	6
III. Cơ sở pháp lý xây dựng dự án.....	6
IV. Định hướng đầu tư và mục tiêu của dự án	6
1. Định hướng đầu tư	6
Chương II: Xây dựng dự án khả thi.....	8
I. Thực trạng về thị trường và lĩnh vực hoạt động	8
1. Tình hình phát triển kinh tế Việt Nam	8
2. Thực trạng về thị trường sản phẩm	10
3. Dự đoán nhu cầu của thị trường	11
II. Tính khả thi của dự án.....	12
Chương III: Tổ chức quản lý nhân sự.....	14
1. Cơ cấu tổ chức.....	14
2. Quy mô và tổ chức nhân sự.....	14
3. Chế độ đối với người lao động.....	15
4. Cơ chế kinh doanh	16
5. Nguyên tắc hoạt động kinh doanh	16
Chương IV: Quy mô và hạng mục đầu tư	17
I. Địa điểm xây dựng	17
1. Điều kiện về địa lý, địa chất	17
2. Điều kiện khí hậu thủy văn	17
II. Phương án quy hoạch xây dựng kiến trúc	17
1. Bố trí mặt bằng xây dựng	17
2. Nguyên tắc xây dựng công trình.....	18
3. Yêu cầu kỹ thuật xây dựng dự án	18
III. Các hạng mục công trình xây dựng	18
IV. Tiến độ triển khai dự án.....	19
V. Trang thiết bị và phương tiện hoạt động sản xuất.....	20
1. Thiết bị chuồng trại.....	20
2. Danh mục thiết bị văn phòng	20
3. Danh mục phương tiện giao thông - vận tải.....	20
4. Thiết bị chăn nuôi	20
VI. Nhu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh.....	22
Chương V: Quy mô, phương án sản xuất kinh doanh.....	23
I. Quy mô trại giống.....	23
1. Con giống	23
2. Cơ cấu đàn giống	23
II. Sản xuất và khai thác đối với trại chăn nuôi lợn	24
1. Chăn nuôi lợn nái chữa và đẻ.....	24

2. Điều kiện kỹ thuật.....	25
III. Ph- ơng án phòng chống dịch bệnh.....	25
Ch- ơng VI: Phân tích hiệu quả dự án.....	27
I. Tổng mức đầu t- 27	27
II. Cơ cấu vốn đầu t- 27	27
III. Đánh giá hiệu quả vốn đầu t- 27	27
1. Doanh thu hàng năm của trại chăn nuôi..... 27	27
2. Chi phí hàng năm của trại chăn nuôi..... 28	28
3. Tính toán hiệu quả đầu t- của dự án 29	29
IV. Khả năng thu hồi vốn 29	29
1. Vốn đầu t- 29	29
2. Khả năng thu hồi vốn..... 29	29
3. Kế hoạch thanh toán công nợ: 29	29
V. Hiệu quả kinh tế - xã hội..... 30	30
1. Tính hiệu quả kinh tế: 30	30
2. Hiệu quả xã hội..... 30	30
Ch- ơng VII: Đánh giá tác động môi tr- ờng..... 32	32
1. L- u l- ợng n- ớc thải 32	32
2. Thành phần và tính chất n- ớc thải chăn nuôi lợn 33	33
3. Sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý phân và n- ớc tiểu 34	34
Ch- ơng VIII: Kết luận, kiến nghị 35	35

DỰ ÁN ĐẦU TƯ- TRẠI CHĂN NUÔI LỢN NÁI SIÊU NẠC

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN CHUNG VỀ DỰ ÁN

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN

Trong những năm qua, nhờ chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về đổi mới nền kinh tế từ cơ chế tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, đa dạng hoá các loại hình sở hữu.

Chính nhờ chủ trương đúng đắn đó, nền kinh tế của đất nước đã phát triển, đời sống của đại đa số nhân dân đã được cải thiện lên một bước.

Bước sang thế kỷ 21, đất nước ta đang đứng trước những thách thức và vận hội mới. Nhờ đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước, trên bước đường công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, Việt Nam đang chuyển dịch từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế đa dạng với nhiều thành phần kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, nền kinh tế nông nghiệp nước ta đang có sự chuyển biến vững chắc từ nền kinh tế nông nghiệp thuần nông sang nền kinh tế đa dạng với nhiều loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao. Sự kết hợp giữa chăn nuôi và trồng trọt là hướng mũi nhọn, làm tiền đề thúc đẩy nền kinh tế Nông nghiệp nông thôn. Hiện nay ngành chăn nuôi ngày càng có vị trí quan trọng trong sản xuất Nông nghiệp, đặc biệt khi vấn đề lương thực đã được giải quyết cơ bản. Nhưng do xuất phát điểm nền kinh tế còn thấp nên tỷ trọng sản lượng chăn nuôi mới chiếm khoảng 25% trong tổng giá trị sản lượng trong Nông nghiệp. Chăn nuôi hiện đang là một trong những mũi nhọn trong việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hoá đa dạng hoá vật nuôi. Chăn nuôi đặc biệt đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế hộ gia đình và là một trong những nguồn thu chủ yếu của nông hộ. Việc chăn nuôi nông hộ trong những năm qua có những bước tiến đáng kể về năng

suất, chất lượng và quy mô, các tiến bộ khoa học kỹ thuật đặc biệt về con giống và thức ăn đã được áp dụng trong chăn nuôi mang lại hiệu quả kinh tế cao cho hộ nông dân.

Trước thực trạng của ngành chăn nuôi nói trên chúng tôi thực hiện xây dựng dự án "Trại chăn nuôi lợn nái siêu nạc". Là dự án xây dựng cơ sở sản xuất lợn giống với 1200 con nái sinh sản. Khi đi vào hoạt động, dự án đảm bảo có đủ giống tốt, phục vụ nhu cầu nâng cao chất lượng đàn lợn giống và đàn lợn thịt trong khu vực, tạo công ăn việc làm cho lao động tại địa phương, chủ động tự túc được nguồn thực phẩm nâng cao đời sống người dân và cho xuất khẩu trao đổi hàng hoá.

Thực hiện Quyết định số 225/1999/QĐ/TT ngày 10/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 3623 BNN/KH của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra ngày 06/10/1999 về việc xây dựng dự án giống cây trồng vật nuôi. Chúng tôi tiến hành khảo sát lập dự án: "Trại chăn nuôi lợn nái siêu nạc" với nội dung cơ bản sau:

Tên dự án đầu tư: Trại chăn nuôi lợn nái siêu nạc

Địa điểm triển khai: Tỉnh Thái Nguyên.

Diện tích khu đất: khoảng 0,9ha.

Số lao động: 26 người.

Thời gian hoạt động kinh doanh của dự án: 30 năm.

II. GIỚI THIỆU VỀ CHỦ ĐẦU TƯ-

1. Giới thiệu chung về chủ đầu tư-

...là chủ đầu tư thực hiện dự án "Trại chăn nuôi lợn nái siêu nạc". Sau đây gọi là chủ đầu tư.

1.1. Tên dự án: Trại chăn nuôi lợn nái siêu nạc

1.2. Địa chỉ trang trại: Tỉnh Thái Nguyên.

1.3. Điện thoại : Fax:

1.4. Mã số thuế :

1.5. Số tài khoản:

1.6. Ngành nghề kinh doanh: Chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy hải sản; Sản xuất thức ăn chăn nuôi.

2. Ng- ời đại diện theo pháp luật của công ty:

Ông:

Chức vụ: Giám đốc

III. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đ- ợc Quốc hội n- ớc CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản h- ớng dẫn.

- Căn cứ luật xây dựng số 16/2003/QH11 đ- ợc Quốc hội n- ớc CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003

- Căn cứ nghị định số 209/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 12 năm 2004 quy định Về quản lý chất l- ợng công trình xây dựng

- Luật đầu t- số 59/2005/QH11 Ngày 29 tháng 11 năm 2005

- Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và h- ớng dẫn thi hành một số điều của luật đầu t- .

- Căn cứ Luật đất đai ban hành ngày 26/11/2003, và các văn bản h- ớng dẫn thi hành.

- Căn cứ Quyết định số 225/1999/QĐ/TTg ngày 10 tháng 12 năm 1999 của Thủ t- ớng Chính phủ về chuyển đổi giống cây trồng vật nuôi và giống cây nông nghiệp.

- Căn cứ công văn số 3623/BNN/KH của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ngày 06 tháng 10 năm 1999.

- Căn cứ Nghị định số 03/2000 NQ-CP ngày 02/02/2000 của Chính phủ về phát triển trang trại.

IV. ĐỊNH H- ỚNG ĐẦU T- VÀ MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

1. Định h- ớng đầu t-

Với sự tăng tr- ờng không ngừng của nền kinh tế thế giới và khu vực trong thời gian qua, sự hoà nhập và giao l- u Quốc tế ngày càng đ- ợc mở rộng, kéo theo sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế Việt Nam. Song song với sự

phát triển của nền kinh tế, ngành chăn nuôi ở nước ta đã và đang có sự chuyển dịch nhanh chóng. Sự phát triển này dựa trên cơ sở chủ trương của Đảng và Nhà nước khuyến khích đầu tư khai thác tiềm năng và thế mạnh của ngành nông nghiệp. Tạo tiền đề phát triển của các ngành kinh tế mũi nhọn khác. Nhận thức được vấn đề này, chúng tôi quyết định đầu tư xây dựng một trung tâm sản xuất lợn giống chất lượng cao theo mô hình kinh tế công nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu về chất lượng con giống trong khu vực và nguồn thực phẩm phục vụ và nguồn thực phẩm phục vụ trong nước và xuất khẩu.

- Đầu tư phát triển giống lợn nhằm đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

- Phát triển chăn nuôi lợn gắn liền với sử dụng có hiệu quả các nguồn nguyên liệu, phế liệu, phụ phẩm từ nông nghiệp nhằm tạo ra sản phẩm hàng hoá có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội và xuất khẩu.

- Phát triển chăn nuôi lợn phải gắn liền chặt chẽ với quy hoạch phát triển kinh tế tổng hợp của tỉnh Thái Nguyên.

- Đầu tư tạo ra lợn giống có chất lượng cao, đảm bảo được giống đưa ra sản xuất phải có ít nhất 2 - 3 máu ngoại trở lên, để tạo ra đàn con lai nuôi thương phẩm có sức sống cao, tiêu tốn thức ăn ít trên 1kg tăng trọng, chăn nuôi đạt hiệu quả kinh tế.

- Tạo ra một vùng con giống trọng điểm, đàn nái sinh sản tập trung, sản xuất ra nhiều lợn con cai sữa có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường con giống.

- Dự án khi đi vào hoạt động sẽ góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá và hội nhập kinh tế của địa phương, của tỉnh Thái Nguyên cũng như cả nước.

CH- ƠNG II: XÂY DỰNG DỰ ÁN KHẢ THI

I. THỰC TRẠNG VỀ THỊ TR- ỜNG VÀ LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

1. Tình hình phát triển kinh tế Việt Nam

1.1. Tình hình phát triển kinh tế Việt Nam

Trong những năm qua do chịu nhiều sự tác động thiên tai bão lụt liên tiếp xảy ra trên khắp đất n- ớc, đã làm hạn chế tốc độ tăng tr- ởng kinh tế và phát triển các mặt hàng trong xã hội, đặt nền kinh tế n- ớc ta đứng tr- ớc những thử thách quyết liệt. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu t-, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, nền kinh tế Việt Nam trong những năm vừa qua luôn duy trì mức tăng tr- ởng cao, đạt bình quân 7,1% / năm.

Cơ cấu thành phần kinh tế đã có sự chuyển dịch đáng kể, kinh tế nhà n- ớc tiếp tục đ- ợc đổi mới, sắp xếp lại các ngành kinh tế; ngành kinh tế cá thể và nhận đ- ợc khuyến khích phát huy hiệu quả, đóng góp không nhỏ vào tốc độ tăng tr- ởng kinh tế đất n- ớc. Đặc biệt Luật doanh nghiệp đã thực sự tạo động lực thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế t- nhân, đóng góp tích cực vào lĩnh vực công nghiệp. Khu vực có vốn đầu t- n- ớc ngoài tiếp tục phát triển, thực sự trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân.

Nền tài chính quốc gia đã có nhiều cải thiện, tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà n- ớc hàng năm xấp xỉ 21% GDP; tốc độ tăng ngân sách hàng năm đã cao hơn tốc độ tăng tr- ởng kinh tế và tốc độ tăng giá, đảm bảo cải thiện đ- ợc các khoản chi cho quốc phòng, văn hoá, giáo dục, y tế, xoá đói giảm nghèo. Bội chi ngân sách hàng năm đ- ợc khống chế d- ới 5% GDP mức hợp lý, vừa kiểm soát đ- ợc lạm phát vừa có tác động kích thích tăng tr- ởng kinh tế.

1.2. Tổng quan về ngành chăn nuôi của Việt Nam

Nhìn chung, tốc độ tăng tr- ởng về giá trị sản xuất ngành chăn nuôi trong những năm qua luôn ở mức cao. Đến nay tỉ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp chiếm 25%; 10 tỉnh có tỉ trọng chăn nuôi trên 35%. Tuy nhiên, giá thành và

chất lượng sản phẩm ch- a đáp ứng được yêu cầu của người tiêu dùng trong nước, nhất là cho xuất khẩu. Hệ thống tổ chức ngành chăn nuôi ch- a đáp ứng đòi hỏi về quản lý nhà nước trong kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Chăn nuôi trang trại mấy năm qua đã phát triển nhanh nhưng quy mô còn nhỏ, công nghệ thiếu đồng bộ, trình độ quản lý thấp.

Cả nước hiện có 17.721 trang trại chăn nuôi, tăng gấp 10 lần so với năm 2001, trong đó miền Nam chiếm 64,4% và miền Bắc 35,6%. Chăn nuôi trang trại (TT) phát triển nhanh cả về số lượng, chủng loại và quy mô đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hoá đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và nâng cao khả năng cạnh tranh trong tiến trình hội nhập kinh tế thế giới.

Hiện nay loại hình trang trại có xu hướng ngày càng phát triển, trong đó chăn nuôi lợn chiếm tỷ lệ lớn nhất, với 7.475 trang trại (chiếm 42,2% tổng số trang trại); kế đến là chăn nuôi bò, với 6.405 trang trại (chiếm 36,1%); chăn nuôi gia cầm đứng vị trí thứ 3, với 2.838 trang trại (chiếm 16%)... Vốn đầu tư cho mỗi trang trại từ vài trăm triệu đến vài tỷ đồng tùy theo quy mô và loại hình trang trại. Trong đó, vùng Đông Nam bộ bình quân khoảng 358 triệu đồng/trang trại; Tây Nguyên gần 182 triệu đồng/trang trại; Duyên hải Nam Trung bộ 137 triệu đồng/trang trại. Cũng có một số trang trại đầu tư hàng chục tỷ đồng.

Giá thành thịt lợn của Việt Nam cao hơn so với các nước khác làm cho Việt Nam bất lợi trong việc cạnh tranh. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến giá thịt lợn cao, chính do giá thức ăn chăn nuôi cao bởi vì:

+ Chi phí thức ăn trong chăn nuôi, nhất là chăn nuôi lợn chiếm 70% giá thành. Do vậy chúng ta phải thống nhất được giá thức ăn sao cho thức ăn vừa đáp ứng được nhu cầu về kinh tế đáp ứng được nhu cầu về chất lượng đem lại lợi ích cao cho người chăn nuôi.

+ Chăn nuôi lợn cho đến nay chủ yếu là quy mô nhỏ, phân tán khó đáp ứng được các hợp đồng xuất khẩu lớn, chất lượng thịt không đồng đều, an toàn vệ sinh thực phẩm không đảm bảo...

+ Nguyên nhân cũng không kém phần quan trọng nữa là do chất lượng giống không cao, nguồn lai địa phương làm cho chất lượng con giống thấp, hiệu quả kinh tế không cao.

1.3. Tình hình phát triển chăn nuôi của tỉnh Thái Nguyên

Tỉnh Thái Nguyên nằm ở vùng ven đồng bằng Bắc Bộ xen lẫn miền trung du. Với điều kiện thuận lợi về địa hình và vị trí địa lý, Thái Nguyên là một trong những khu vực có tiềm năng chăn nuôi gia súc, gia cầm lớn của miền Bắc nước ta. Với mật độ dân cư còn thưa thớt, cơ cấu kinh tế của Thái Nguyên tương đối đồng đều với tỷ trọng ngành nông nghiệp cao. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện chính sách của tỉnh đưa ngành chăn nuôi gia súc gia cầm phát triển với quy mô lớn.

Tuy vậy, thực tế ngành chăn nuôi chủ yếu là quy mô nhỏ và phân tán, không đem lại hiệu quả kinh tế cao, chưa thực sự phát triển đúng với tiềm năng vốn có và theo định hướng chung của tỉnh và nhà nước. Tiềm năng phát triển ngành chăn nuôi của tỉnh vẫn chưa được khai thác một cách triệt để và hiệu quả.

2. Thực trạng về thị trường sản phẩm

- Trong xu hướng toàn cầu hoá, các nước có nền công nghiệp phát triển sẽ đẩy vấn đề chăn nuôi sang các nước nghèo phát triển chậm. Hiện nay ngành chăn nuôi nước ta chủ yếu là ngành chăn nuôi theo mô hình gia đình. Việc chăn nuôi theo mô hình nhỏ bé không đem lại hiệu quả kinh tế cao. Mặt khác nguồn cung cấp con giống có chất lượng cho ngành chăn nuôi chưa cao, chủ yếu con giống được cung cấp một cách tự phát, không mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Thực trạng thị trường tiêu thụ sản phẩm hiện nay là tự cung tự cấp do vậy nhu cầu về nguồn thực phẩm có chất lượng cao đang đặt ra cho ngành chăn nuôi nước ta phải có sự chuyển đổi con giống có chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng thực phẩm cho người dân, đồng thời đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội.

3. Dự đoán nhu cầu của thị trường

3.1. Tình hình nhu cầu của thị trường

Do thực trạng ngành chăn nuôi của nước ta còn ở mức độ thấp (chăn nuôi nhỏ bé, phân tán, theo tập tục quản canh, chưa mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nên sản lượng trong chăn nuôi đạt rất thấp). Trong khi đó nhu cầu thực phẩm tiêu thụ trong nước và xuất khẩu ngày càng cần một khối lượng lớn hơn. Do vậy cũng không đủ cầu nên việc tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi của trang trại trong những năm tới là rất khả quan.

Do nhu cầu cần một khối lượng thực phẩm có chất lượng cao ngày một lớn. Dẫn đến sự phát triển của các trang trại trong tương lai, điều đó đã khẳng định nhu cầu về giống lợn tốt nuôi tập trung chất lượng ổn định trong thời gian tới là rất lớn.

Về điều kiện địa lý: Thái Nguyên nằm ở ven của Đồng bằng Bắc Bộ là nơi tập trung đông dân cư và thị trường tiêu thụ sản phẩm rộng lớn không những về mặt hàng thực phẩm mà về con giống. Với vị trí địa lý thuận lợi, dự án có thể mở rộng thị trường ra các tỉnh lân cận và thị trường xuất khẩu.

Với điều kiện ngoại cảnh và điều kiện khả quan như trên khả năng tiêu thụ sản phẩm của [dự án](#) là yếu tố rất khả quan.

3.2. Khả năng cung cấp của thị trường

Trong những năm qua thực hiện chủ trương đổi mới của Đảng và Nhà nước ngành chăn nuôi Việt Nam đã có sự phát triển đáng kể. Tuy nhiên sự phát triển chưa đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi của thị trường.

3.3. Dự đoán thị trường

3.3.1. Sách lược chiếm lĩnh thị trường

Là một trung tâm sản xuất giống lợn ông bà, việc quan trọng bậc nhất của trại chăn nuôi lợn nái siêu nạc là phải xây dựng cho mình một chiến lược phát triển thị trường một cách hợp lý. Trong quá trình nghiên cứu thị trường sản xuất giống lợn, chăn nuôi lợn, chúng tôi nhận thấy thị trường trên địa bàn Thái

Nguyên là một vùng phụ cận vẫn còn nhiều tiềm năng. Vì vậy sách lược chủ yếu của chúng tôi sẽ tập trung khai thác thị trường này. Từ cơ sở đó chúng tôi sẽ mở rộng thị trường ra các tỉnh lân cận và cung cấp nguồn thực phẩm cho xuất khẩu.

3.3.2. Chiến lược phát triển

Sách lược phát triển của công ty sẽ chia làm 02 giai đoạn:

- Giai đoạn I: Giai đoạn tìm chỗ đứng trên thị trường cung cấp giống phục vụ ngành chăn nuôi và nguồn thực phẩm có chất lượng cao trong tỉnh và một phần cho xuất khẩu.

- Giai đoạn II: Giai đoạn củng cố thị trường và phát triển mở rộng thị trường ra các tỉnh lân cận. Trên cơ sở đó gia tăng nguồn thực phẩm phục vụ cho xuất khẩu.

II. TÍNH KHẢ THI CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở thông tin đã phân tích ở trên, có thể thấy rằng:

* Với vị trí địa lý và điều kiện thuận lợi của tỉnh Thái Nguyên dự án với tính chất là khu chăn nuôi có quy mô lớn sẽ trở thành mắt xích quan trọng trong việc thực hiện chính sách của tỉnh Thái Nguyên về việc phát triển ngành chăn nuôi có quy mô lớn.

* Hiện nay, ngành chăn nuôi Việt Nam vẫn chưa thật sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Việc xuất hiện một dự án có quy mô và hình thức mới mở đầu cho quá trình phát triển ngành chăn nuôi của Việt Nam.

* Việc dự án đã ký kết hợp đồng hợp tác chăn nuôi gia công lợn nái cho ... Việt Nam là một cơ sở rất vững chắc cho sự hoạt động ổn định của dự án từ khi xây dựng đến giao đoạn chăn nuôi và xuất đầu ra.

... hiện là nhà chăn nuôi và sản xuất thức ăn gia súc lớn nhất thế giới. Hàng năm chế biến hàng tỉ con gà, trứng, hàng triệu con vịt và heo. Đặt trụ sở chính ở Thái Lan, ...hiện có mặt ở nhiều nước ASEAN, châu Âu và Mỹ. ...cũng là nhà đầu tư đầu tiên và lớn trong một số dự án ở Việt Nam. Hiện ...Việt Nam có 28 công ty chi nhánh tại Việt Nam chuyên chế biến thức ăn gia súc và chăn nuôi gia súc, kinh doanh thực phẩm.

Công ty ...Việt Nam đã vào kinh doanh tại Việt Nam từ năm 1990 và phát triển không ngừng cho đến nay. Các hoạt động của Công ty đã rất ổn định và uy tín về chăn nuôi và thức ăn gia súc.

* Dự án đ- ợc thành lập hoàn toàn phù hợp với nhu cầu hiện tại cũng nh- chính sách và đ- ờng lối đổi mới phát triển của tỉnh Thái Nguyên.

* Việc đầu t- xây dựng dự án tại địa ph- ơng sẽ ảnh h- ưởng trực tiếp tới công cuộc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xoá đói giảm nghèo của địa ph- ơng nói riêng và tỉnh Thái Nguyên nói chung, đồng thời tạo đà phát triển chăn nuôi của tỉnh, đóng góp đáng kể vào tiến trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất n- ớc.

* Mặt khác, với tình hình suy thoái kinh tế thế giới và Việt Nam nh- hiện nay. Việc thực hiện dự án này cũng góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế cho Tỉnh Thái Nguyên, giải quyết một số l- ợng lao động cho địa ph- ơng và hoàn toàn phù hợp với các chính sách kích cầu đầu t- hiện nay của chính phủ.

Tóm lại: Dự án đ- ợc thực hiện hoàn toàn phù hợp với nhu cầu hiện tại cũng nh- chiến l- ợc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và Nhà n- ớc. Việc đầu t- xây dựng **Trại chăn nuôi lợn nái siêu nạc** là hoàn toàn phù hợp với các điều kiện khách quan và chủ quan trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho ng- ời lao động địa ph- ơng. Phát huy các giá trị hữu ích tiềm năng của phần đất đai đang để hoang hoá. Đầu t- mang tính chắc chắn, đem lại giá trị gia tăng rõ rệt cho bất động sản, có khả năng đề kháng đ- ợc những rủi ro nhạy cảm trong kinh doanh. Đem lại nhiều hiệu quả về mặt kinh tế, xã hội cho tỉnh Thái Nguyên nói riêng và cho cả n- ớc nói chung.

CH- ƠNG III: TỔ CHỨC QUẢN LÝ NHÂN SỰ

1. CƠ CẤU TỔ CHỨC

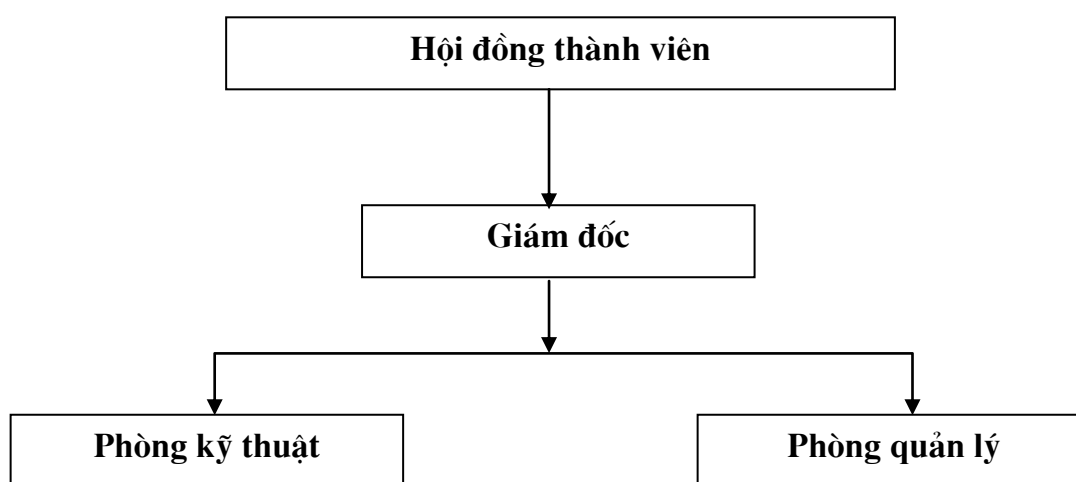
Tổ chức bộ máy của trại chăn nuôi lợn nái siêu nạc bao gồm 26 ng- ời.

Trong đó: Bộ phận quản lý : 02 ng- ời

Bộ phận văn phòng, kho, hậu cần : 03 ng- ời

Bộ phận chăn nuôi và phục vụ : 16 ng- ời

Bộ phận kỹ thuật, bảo vệ : 5 ng- ời



* Sơ đồ sẽ dần dần đ- ợc hoàn thiện, bổ sung, điều chỉnh theo quy mô mở rộng sản xuất.

* Việc tuyển chọn cán bộ quản lý theo h- ớng có trình độ đại học, chuyên môn cao, làm việc có khoa học, luôn tìm tòi sáng tạo, trung thực, tận tâm, kiêm nhiệm đ- ợc nhiều lĩnh vực với mức l- ơng đảm bảo.

* Tuyển nhân sự: sử dụng nguồn nhân lực có sẵn tại địa ph- ơng.

* Đào tạo thêm tay nghề cho các cán bộ kỹ thuật, kỹ s- , công nhân thông qua nhiều hình thức: tập huấn, chuyên tu.

2. QUY MÔ VÀ TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Bộ máy tổ chức nhân sự của trang trại sẽ đ- ợc bố trí gọn nhẹ, đảm bảo hoạt động tốt và có hiệu quả cao. Với kế hoạch triển khai nh- trên, dự kiến số l- ợng lao động trong trang trại đi vào hoạt động ổn định nh- sau:

Stt	Lao động	Số l- ợng
1	Giám đốc	01 ng- ời
2	Phó giám đốc	01 ng- ời
3	Tạp vụ	01 ng- ời
4	Chuyên viên quản lý, kế toán	02 ng- ời
5	Cán bộ thú y, kỹ thuật	02 ng- ời
6	Bảo vệ, lái xe	02 ng- ời
7	Công nhân vận hành điện n- ớc	01 ng- ời
8	Công nhân nuôi lợn giống	16 ng- ời
Tổng cộng		26 ng- ời

3. CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NG- ỜI LAO ĐỘNG

Nhân sự trong trang trại sẽ làm việc theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động. Số giờ làm việc trong ngày 8 tiếng, số ngày làm việc trong tháng là 26 ngày. Các ngày lễ, ngày nghỉ phù hợp với bộ Luật Lao động của Việt Nam. Trong tr- ờng hợp phải làm thêm giờ hoặc làm việc vào những ngày lễ, ngày nghỉ, tiền l- ợng sẽ đ- ợc tính tăng thêm một cách phù hợp và ng- ời lao động sẽ đ- ợc thông báo tr- ớc để chuẩn bị cho việc làm thêm giờ. Trang trại sẽ đảm bảo thực hiện nghiêm túc các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ đãi ngộ khác cho ng- ời lao động theo đúng quy định, đáp ứng quyền lợi chính đáng của ng- ời lao động.

4. CƠ CHẾ KINH DOANH

Quan hệ kinh tế

- Tất cả các quan hệ kinh tế giữa công ty và các đối tác đều đ- ợc thể hiện rõ ràng bằng hình thức hợp đồng kinh tế và sẽ đ- ợc thực hiện nghiêm túc theo hợp đồng kinh tế.

Tôn chỉ kinh doanh

- Con ng- ời là nhân tố cơ bản, v- ơn tới sự v- ợt trội, duy trì chất l- ợng cao, phục vụ chu đáo.
- Tinh thần của doanh nghiệp: Đoàn kết, cần cù chịu khó phấn đấu, đổi mới sáng tạo.
- Quan hệ về kinh doanh: Dựa vào chất l- ợng để tồn tại, dựa vào uy tín để phát triển. Tuân thủ pháp luật, trung thực, giữ chữ tín trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Nguyên tắc

- Đánh giá tổng hợp ph- ơng án theo các yếu tố nh- : vốn, giá thành, chất l- ợng dịch vụ, hiệu quả kinh tế...
- Quán triệt biện pháp bảo vệ quyền lợi cho khách hàng và công ty.
- Bảo đảm về nguồn vốn, ổn định về chất l- ợng dịch vụ và uy tín của công ty.

Mục tiêu

- Tận dụng mọi nguồn lực, phát huy mọi thế mạnh nhằm đ- a công ty ngày càng ổn định và phát triển.

CHƯƠNG IV: QUY MÔ VÀ HẠNG MỤC ĐẦU

T-

I. ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

1. Điều kiện về địa lý, địa chất

Khu vực xây dựng dự án: Tỉnh Thái Nguyên..

Tỉnh Thái Nguyên. Diện tích khoảng 9000m².

- Phía Tây giáp Đường Dân sinh.

- Phía Nam giáp ruộng.

- Phía Tây giáp ruộng.

- Phía Bắc giáp ruộng.

Là khu xa dân cư, gần hệ thống sông ngòi đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường. Đây là vùng lý tưởng cho khu chăn nuôi tập trung.

2. Điều kiện khí hậu thủy văn

Khu vực xây dựng dự án nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, nên môi trường xung quanh khá ôn hòa, thuận lợi cho phát triển ngành chăn nuôi gia súc, thủy sản. Lượng mưa độ ẩm và nhiệt độ trong vùng khá ổn định và thay đổi theo từng mùa. Chế độ thủy văn chịu ảnh hưởng sự chi phối của chế độ của con sông chảy qua.

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG KIẾN TRÚC

1. Bố trí mặt bằng xây dựng

Toàn bộ khu vực xây dựng dự án có diện tích khoảng 0,9ha. Công trình trại chăn nuôi khoảng 6.000m², diện tích công trình xây dựng cơ sở hạ tầng kiến trúc khoảng 2.500m², diện tích mặt nước và đất trồng cây xanh khoảng 500m². Mặt bằng tổng thể của dự án được chia thành các khu như sau:

* Xây dựng hệ thống đường công vụ nội bộ liên hoàn cho toàn bộ khu vực nằm trong quy hoạch của dự án với tổng chiều dài khoảng 500m.

* Xây dựng hệ thống công trình chuồng trại, nhà điều hành, khu bảo vệ, trạm điện, trạm xử lý nước thải, bảo vệ chăn nuôi.

* Trồng cây xanh theo quy hoạch cảnh quan và bảo vệ môi trường cho toàn bộ khu vực.

* Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải để đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường cho khu vực vùng phụ cận.

* Xây dựng hệ thống phòng chống cháy, đảm bảo an toàn cho dự án.

* Lập ranh giới bằng xây dựng rào phân định Dự án.

2. Nguyên tắc xây dựng công trình

Các hạng mục công trình sẽ được bố trí theo những nguyên tắc sau:

* Bố trí thuận tiện cho việc phối hợp hoạt động giữa các bộ phận trong khu vực Dự án.

* Thuận tiện cho việc phát triển, mở rộng dự án sau này.

* Tiết kiệm đất xây dựng nhưng vẫn đảm bảo sự thông thoáng của các khu trại chăn nuôi.

* Tuân thủ các quy định về quy hoạch, kiến trúc, xây dựng của địa phương và Nhà nước ban hành.

* Tạo dáng vẻ kiến trúc phù hợp với cảnh quan của khu chăn nuôi tập trung.

3. Yêu cầu kỹ thuật xây dựng dự án

- Đối với trại lợn nái: Chuồng trại phải cao ráo, sạch sẽ, thoáng mát. Cách ly với môi trường xung quanh để tránh lây lan dịch bệnh. Tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động nuôi dưỡng chăm sóc đàn lợn được tốt, tăng năng suất lao động đạt hiệu quả kinh tế cao.

- Đối với trại lợn cai sữa: Chuồng trại phải cao ráo, sạch sẽ, thoáng mát, ấm áp vào mùa đông và thoáng mát trong mùa hè. Hạn chế việc tối đa tắm lợn và rửa chuồng, chuồng phải khô ráo nhưng vẫn phải đảm bảo thoáng mát để giảm tối đa các bệnh về hô hấp. Cách ly phần nào về môi trường xung quanh để tránh lây lan dịch bệnh. Tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động nuôi dưỡng, chăm sóc đàn lợn được tốt hơn.

- Đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động kinh doanh, lao động và phòng cháy chữa cháy.

III. CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Các công trình xây dựng trong Dự án gồm:

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Diện tích	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
------------	-----------------	--------------------	------------------	-----------------	----------------------	-------------------------

1	San lấp mặt bằng	m2	9000	1		
2	Nhà điều hành, nhà ở của công nhân	m2	389	2		
3	Chuồng mang thai	m2	1400	2		
4	Chuồng nuôi con	m2	900	4		
5	Chuồng cách ly	m2	180	2		
6	Nhà kho chứa thức ăn, nhà công tác	m2	350	2		
7	Nhà chế tinh, thú y	m2	36	2		
8	Nhà bếp, nhà ăn, nhà vệ sinh	m2	141	2		
9	Hệ thống xử lý Bioga	m3	500	2		
10	Hệ thống thoát n-ớc thải	Hệ thống	1	1		
11	T-ờng rào bảo vệ	m2	500	1		
12	Giao thông dự án và nội bộ	m	300	1		
13	Nhà bảo vệ, nhà để xe, kho phụ	m2	164	2		
14	Hệ thống n-ớc sạch	Hệ thống	1	1		
15	Hệ thống cấp điện	Trạm	1	1		
	Tổng cộng					

IV. TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI DỰ ÁN

Dự án dự kiến đ-ợc xây dựng và hoàn thành trong vòng 01 năm. Các b-ớc tiến độ triển khai chi tiết của dự án nh- sau:

Hạng mục	Thời gian (tháng)
Các thủ tục hành chính	2
Giải phóng mặt bằng	1
Làm đ-ờng và cơ sở hạ tầng	3
Xây dựng công trình kiến trúc	3
Mua sắm máy móc - thiết bị	1
Tuyển chọn và đào tạo NV	1
Xây dựng công trình phụ trợ	1

V. TRANG THIẾT BỊ VÀ PH- ƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

1. Thiết bị chuồng trại

Thiết bị chăn nuôi đ- ợc nhập từ Công ty TNHH ..Việt Nam và một số doanh nghiệp chất l- ợng khác. Tối - u hoá theo nhu cầu sinh lý của lợn, nhằm nâng cao sức sản xuất của lợn tăng lợi nhuận cho chủ đầu t- .

2. Danh mục thiết bị văn phòng

- Máy vi tính : 01 chiếc
- Máy in : 01 chiếc
- Tủ đựng tài liệu : 02 chiếc
- Két sắt, máy đếm tiền : 01 cái
- Ôtô con : 01 chiếc

3. Danh mục ph- ơng tiện giao thông - vận tải

- Ôtô con : 01 chiếc
- Ôtô tải : 01 chiếc

4. Thiết bị chăn nuôi

Trang thiết bị phù hợp với quy trình công nghệ hoàn chỉnh khép kín, phù hợp với quy mô sản xuất, với thời tiết khí hậu và môi tr- ờng tại địa ph- ơng. Chi tiết nh- sau:

TT	Danh mục	ĐVT	Số l- ợng	Đơn giá (1.000 đ)	Thành tiền (1.000 đ)	Xuất xứ
1	2	3	4	5	6	7
I	Máy móc thiết bị chăn nuôi					
1	Si lo chứa thức ăn	Cái	20			
2	Hệ thống nước và bát uống n- ớc tự động, núm tự động	Bộ	10			
3	Hệ thống thông thoáng, làm mát	Bộ	20			
4	Hệ thống phun s- ơng	Bộ	20			
5	Bộ điều khiển tự	Bộ	20			

	động					
6	Hộp định l- ợng thức ăn	Hộp	120			
7	Máy ăn bánh tự động	Cái	24			
8	Máng bê tông	Cái	1200			
9	Máng Inox cho lợn con	Cái	48			
II	Thiết bị gieo tinh nhân tạo					
1	Giá nhảy	Cái	5			
2	Kính hiển vi	Cái	1			
3	Bàn đun	Cái	2			
4	Tủ hấp 30 lít	Cái	2			
5	ống hút loại nhỏ	Cái	12			
6	Cốc thủy tinh các loại	Cái	50			
7	Đũa khuấy	Cái	24			
8	Bình ch- ng cất	Cái	2			
9	Tủ trữ tinh	Cái	2			
10	Máy trữ tinh	Cái	2			
11	Máy đo PH	Cái	1			
12	Tinh quản	Cái	24			
13	Lame kính	Hộp	2			
14	Lamelle	Hộp	2			
15	ống nghiệm các loại	Cái	36			
16	Phích	Cái	5			
17	Bàn ghế	Bộ	2			
III	Thiết bị thí nghiệm		1			
IV	Thiết bị văn phòng					
V	Ph- ợng tiện giao thông □ vận tải		2			
VI	Máy phát điện 50KVA		1			
	Tổng số					

VI. NHU CẦU PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH

- N-ớc sạch: Nhu cầu cần 80m³ n-ớc sạch cho một ngày đêm. Sử dụng giếng khoan với độ sâu 30m có mạch ngầm tốt, hoặc khi cần đảm bảo nguồn n-ớc chúng tôi có thể làm hợp đồng mua n-ớc sạch của Nhà n-ớc.

- Điện cho sản xuất: Xây dựng 01 trạm biến áp 150 KVA và máy phát điện dự phòng 50 KW.

CHƯƠNG V: QUY MÔ, PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH

I. QUY MÔ TRẠI GIỐNG

Với nhu cầu giống và quy mô hiện nay, đầu tư xây dựng trại giống sản xuất giống có quy mô 1200 con nái sinh sản.

Dự án đã ký kết hợp đồng hợp tác chăn nuôi gia công lợn nái cho ... Việt Nam là một cơ sở rất vững chắc cho sự hoạt động ổn định của dự án từ khi xây dựng đến giao đoạn chăn nuôi và xuất đầu ra.

Mọi đầu vào như con giống nái, giống đực, cám, thuốc thú y, quy trình chăn nuôi, cán bộ kỹ thuật, quy cách xây dựng,.. đều được Công ty TNHH ...Việt Nam cung cấp và đảm bảo chất lượng. Đầu ra của trại là lợn giống con cũng được Công ty TNHH ...Việt Nam đảm bảo tiêu thụ.

1. Con giống

- Các đực giống và cái giống ngoại Yorkshire, Duroc có khả năng thích ứng với điều kiện tự nhiên, kinh tế của tỉnh, tạo ra đàn ngoại có sức sản xuất cao như mỗi giống mỗi cặp lại thích nghi với điều kiện chăm sóc khác nhau. Do đó việc bố trí cơ cấu phù hợp môi trường sinh thái cũng như điều kiện kinh tế từng vùng thì ưu thế phẩm chất giống được phát huy, chăn nuôi mới có hiệu quả kinh tế. Con giống đưa ra thị trường chăn nuôi tạo ra giống thông phẩm nhất thiết phải có ít nhất từ 2 máu ngoại trở lên để đàn con có sức sống mãnh liệt hơn, chăn nuôi đạt hiệu quả kinh tế cao.

- Đối với đàn nái sinh sản.
- Các giống lợn Yorkshire, Duroc, Landrace.
- Số lượng: 1200 con nái

2. Cơ cấu đàn giống

- Nái giống sinh sản: 1200 con
- Hậu bị thay đàn: 120 con

Bảng chu chuyển đàn lợn giống

STT	Năm	Đối tượng	Số lượng	Loại thải (%)	Số lượng bổ sung
1	Năm thứ 1	Nái	1200	25	300
2	Năm thứ 2	Nái	1200	20	240

3	Năm thứ 3	Nái	1200	20	240
4	Năm thứ 4	Nái	1200	20	240
5	Năm thứ 5	Nái	1200	20	240

II. SẢN XUẤT VÀ KHAI THÁC ĐỐI VỚI TRẠI CHĂN NUÔI LỢN

Với mong muốn cung cấp cho địa bàn tỉnh Thái Nguyên chất lượng con giống tốt, hiệu quả kinh tế cao. Trại giống đã áp dụng những biện pháp khoa học kỹ thuật tiên tiến tạo ra đàn giống đạt tiêu chuẩn chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu của thị trường chăn nuôi.

1. Chăn nuôi lợn nái chữa và đẻ.

Đối với nái chờ phối, chữa kỳ I (80 ngày đầu sau khi phối) chăm sóc nuôi dưỡng bình thường với khẩu phần ăn trên dưới 2,2kg/con/ngày, nái chữa kỳ II (từ 80 ngày trở đi) cho ăn nhiều hơn, chất lượng thức ăn tốt hơn để thai chóng lớn và đẻ con khỏe mạnh về sau. Đây là giai đoạn hết sức quan trọng nên cần đầu tư chăm sóc nuôi dưỡng tốt giai đoạn này. Sau 114 ngày thụ thai thì nái đẻ (113 - 115 ngày).

- Nái nuôi con được cho ăn thức ăn tốt nhất, số lượng ăn không hạn chế thường một con nái nuôi cho ăn 3,5 - 4,0 kg thức ăn hỗn hợp/1 ngày đêm. Lợn con sau khi được bú sữa đầu, được giữ ấm trong mùa lạnh và thoáng mát trong mùa hè. Sau 10 - 15 ngày tuổi bắt đầu cho lợn con tập ăn. Lợn con theo mẹ đến 19 - 21 ngày thì mới tách mẹ.

- Sau khi cai sữa 5 - 10 ngày và lợn mẹ động dục trở lại, nhìn vào các biểu hiện của lợn nái như bỏ ăn kêu giống, hoa sừng to... thì kiểm tra và cho phối giống. Sau khi cai sữa cho lợn con 30 ngày mà lợn nái chưa động dục trở lại thì loại thải, chuyển qua bán lợn thịt. Thời gian động dục đàn lợn là 3 ngày (2 - 5 ngày), chu kỳ động dục là 18 - 24 ngày (trung bình 20 ngày), sau cai sữa 3 - 10 ngày động dục trở lại (trung bình là 5 ngày).

2. Điều kiện kỹ thuật

Với ph-ong thức chăn nuôi hiện đại cần đầu t- chiều sâu để nâng cao năng suất và chất l-ợng con giống. Cái hậu bị đ-ợc chăm sóc và nuôi d-ỡng riêng trong cũi, theo dõi tốc độ sinh tr-ởng, phát dục, tiêu tốn l-ợng thức ăn/1 kg tăng trọng, độ dày mỡ l-ng. Giống hậu bị cung cấp ra thị tr-ờng là những con giống đầu đàn đ-ợc kiểm tra có chất l-ợng và năng suất tốt nhất.

Nái sinh sản và lợn con theo mẹ, lợn con sau cai sữa đ-ợc nuôi trong cũi và lồng nuôi riêng biệt.

Đực phối giống, đ-ợc chăm sóc nuôi d-ỡng trong điều kiện tốt nhất ở nhiệt độ 20 - 23°C, chế độ dinh d-ỡng chăm sóc tốt, tinh dịch không chỉ kiểm tra về hoạt lực, sức đề kháng mà còn kiểm tra về tính di truyền qua đời sau.

Nhu cầu về dinh d-ỡng cho từng đối t-ợng qua từng thời kỳ sinh tr-ởng.

- Đực giống làm việc: 1.100 kg
- Cái sinh sản : 1.300 kg
- Hậu bị thay đàn: 380 kg
- Đực hậu bị: 100 kg
- Cái hậu bị: 50 kg
- Lợn con theo mẹ: 4 kg.
- Lợn cai sữa: 23 kg

Nguồn thức ăn đ-ợc nhập theo hợp đồng giữa ...và ...

III. PH- ƠNG ÁN PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH

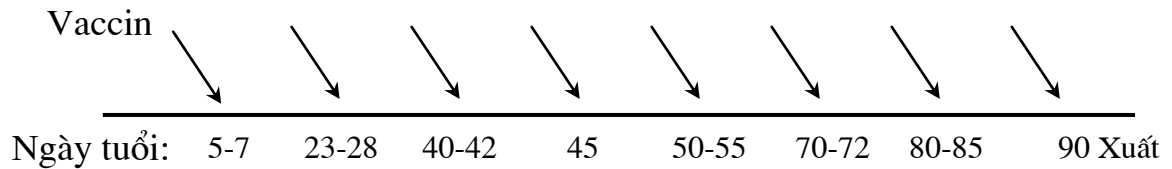
Công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm nói chung và đàn lợn giống nói riêng đ-ợc trú trọng đặc biệt, đảm bảo đàn lợn đ-ợc tiêm phòng đầy đủ, đúng thời hạn, đúng liều l-ợng, năm 2 lần tr-ớc mùa m-a đối với các loại vaccin dịch tả, tụ huyết trùng, phó th-ơng hàn... Riêng đàn lợn nái còn đ-ợc chủng các loại vaccin đặc chủng nh- giả dại, khô thai, lở mồm long móng... Để nâng cao sức đề kháng, tính chống chịu bệnh tật cao cho đàn lợn.

Quản lý và giám sát chặt chẽ, chất l-ợng thuốc thú y và chất l-ợng thức ăn bảo vệ tốt cho đàn gia súc. Phát hiện dịch bệnh kịp thời, khoanh ổ dịch nếu có, tập trung xử lý dứt điểm các ổ dịch.

Cụ thể chủng loại, số lượng thuốc thú y, quy trình, quy cách phòng chống dịch bệnh đều được cán bộ kỹ thuật chuyên ngành của Công ty TNHH ...Việt Nam trực tiếp về trại chỉ đạo, thực hiện.

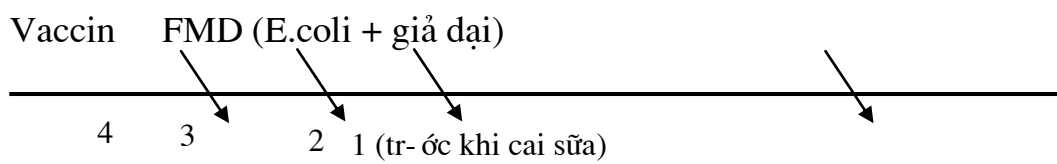
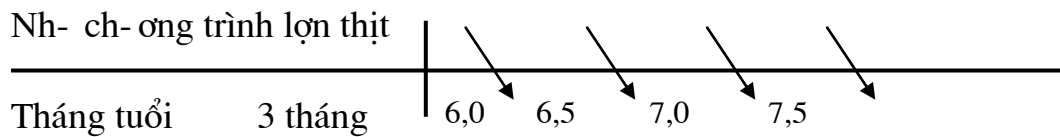
Lịch tiêm phòng cho các đối tượng lợn qua từng giai đoạn được thể hiện qua bảng sau:

- Đối với lợn con và lợn thịt.



- Đối với lợn giống và lợn hậu bị

Vaccin FMD giả dại PARVO



Tuần 0 (Đẻ) Cai sữa

Dấu * tiêm 1 lần

Dấu ** tiêm 2 lần

CH- ƠNG VI: PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ DỰ ÁN

I. TỔNG MỨC ĐẦU T-

Các hạng mục	VNĐ
Thiết bị	
Xây lắp	
Vốn l- u động	
Dự phòng	
Tổng cộng	

II. CƠ CẤU VỐN ĐẦU T-

Chỉ tiêu	VNĐ	Tỷ lệ (%)
Vốn chủ sở hữu		33,3%
Vốn vay dài hạn NHTM		66,7%
Vốn vay l- u động NHTM		0%
Tổng cộng		100%

III. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VỐN ĐẦU T-

1. Doanh thu hàng năm của trại chăn nuôi

Trại chăn nuôi lợn nái siêu nạc:

Bình quân mỗi nái đẻ 2,5 lứa / năm, mỗi lứa đẻ tối thiểu 10 con, tối đa 15 con bình quân 12,5 con / lứa.

Số lợn con của 1200 nái x 2,5 lứa / năm x 12,5 con / lứa = 37.500 con.

Giá xuất heo con gia công cho ... Việt Nam: 130.000 đ/con. (Bao gồm tiền gia công cứng, tiền th- ờng hiệu quả sản xuất, tiền trả cho điều kiện chuồng trại, tiền th- ờng điểm quản lý, tiền hỗ trợ tiền điện, đầu t- Biogas, xây dựng, sát trùng,...)

Nhu vậy, Doanh thu bình quân 1 năm nuôi gia công 1200 lợn nái cho ... Việt Nam:

$$37.500 \text{ con} \times 130.000 \text{ đ/con} = 4.875.000.000 \text{ đ/năm.}$$

2. Chi phí hàng năm của trại chăn nuôi

1. Chi phí nhân công:

a. Chi phí tiền l- ơng:

Chi phí tiền l- ơng tính theo số lao động và mức l- ơng trung bình hàng năm.

$$\text{L- ơng bình quân là } 1.200.000 \text{ đồng/tháng/ng- ời} \times 12 \text{ tháng} \times 26 = 374.400.000 \text{ đồng.}$$

Chi phí BHXH, BHYT bằng 17 % l- ơng chính là $374.400.000 \text{ đồng} \times 17\% = 63.648.000 \text{ đồng.}$

b. Chi phí quản lý:

Tính bằng 2% tổng doanh thu hàng năm là $4.875.000.000 \text{ đ/năm} \times 2\% = 97.500.000 \text{ đồng.}$

2. Tiền điện, n- ớc: 131.400.000 đồng.

- Điện sử dụng để chạy máy bơm, máy phun s- ơng, quạt, điều hoà không khí, hệ thống thông thoáng, chiếu sáng và phục vụ sinh hoạt. Dự tính nhu cầu sử dụng điện của Công ty là:

$$30\text{KW} \times 12 \text{ h} \times 365 \text{ ngày} = 131.400 \text{ KWh} \times 1000 \text{ đ} = 131.400.000 \text{ đồng.}$$

- N- ớc đ- ợc lấy từ giếng khoan, qua hệ thống bể lọc để bảo đảm chất l- ợng sử dụng. Do đó hầu nh- không mất chi phí về n- ớc (tiền điện bơm n- ớc đã đ- ợc tính vào khoản chi tiền điện ở trên).

3. Phần khấu hao cơ bản

Chi phí khấu hao đ- ợc xác định theo chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính, ph- ơng pháp khấu hao đ- ợc chọn là ph- ơng pháp đ- ờng thẳng.

Mức khấu hao xây dựng, thiết bị bình quân 1 năm:

STT	Danh mục	Giá trị ban đầu	Thời gian khấu hao	Giá trị khấu hao 1 năm
1	Xây lắp		15	
2	Thiết bị		10	
	Tổng số			

4. Chi phí lãi vay ngân hàng

Tổng vay:

trong đó: *Vay vốn tín dụng ngân hàng BIDV:*

Lãi suất vay

+ Lãi suất vay vốn tín dụng ngân hàng BIDV: Dự tính
10,5%/năm

Thời hạn vay: 6 năm (trong đó 01 năm ân hạn)

Chi phí lãi vay một năm đầu tiên: $10.000.000.000 \times 10,5\% =$
1.050.000.000đ/năm

Các năm tiếp theo lãi vay sẽ giảm dần do d- nợ gốc giảm dần.

3. Tính toán hiệu quả đầu t- của dự án

Trên cơ sở tổng mức đầu t-, khả năng doanh thu, chi phí sản xuất, lãi vay ngân hàng, tính toán hiệu quả đầu t- của dự án.

Chi phí trong thời gian xây dựng cơ bản đ- ợc hạch toán vào giá trị công trình.

NPV của dự án:triệu đồng

IRR: %

Thời gian hoàn vốn có chiết khấu: 07 năm

IV. KHẢ NĂNG THU HỒI VỐN

1. Vốn đầu t-

Các khoản vốn	Số tiền (VNĐ)
A. Vốn cố định	
B. Vốn l- u động	
Tổng vốn đầu t-	

2. Khả năng thu hồi vốn

- Với mức vay và lãi suất nh- dự án đã đ- a ra thì dự án có khả năng thu hồi vốn trong vòng 7 năm (bao gồm cả thời gian đầu t- 01 năm), và có khả năng trả nợ trong vòng 5 năm khi dự án đi vào hoạt động.

3. Kế hoạch thanh toán công nợ:

Tổng vay: 10.000.000.000 VNĐ

trong đó: Vay vốn tín dụng ngân hàng BIDV: 10.000.000.000 VNĐ

Lãi suất vay

+ Lãi suất vay vốn tín dụng ngân hàng BIDV: 10,5%/năm

Thời hạn vay: 6 năm (trong đó 01 năm ân hạn)

Các thời điểm thanh toán nợ đ- ợc thực hiện theo yêu cầu của ngân hàng

Do đặc điểm của ngành chăn nuôi đòi hỏi vốn đầu t- ban đầu lớn, trong khi đó năm đầu lại ch- a có doanh thu. Do vậy chúng tôi đề nghị xin ân hạn trả nợ gốc năm đầu. Toàn bộ tiền gốc sẽ đ- ợc trả đều cho các năm tiếp theo.

Nguồn trả nợ lấy từ nguồn khấu hao tài sản và lợi nhuận.

V. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Tính hiệu quả kinh tế:

Dự án đầu t- Trại chăn nuôi lợn nái siêu nạc là một mô hình chăn nuôi có quy mô lớn. Dự án đ- ợc tiến hành trên căn cứ theo nhu cầu thị tr- ờng, và tr- ớc những định h- ớng phát triển của Nhà n- ớc, đồng thời phù hợp với quy hoạch đầu t- phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên. Khi đi vào hoạt động, dự án sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao cho bản thân và ngoài ra còn đóng góp đáng kể cho ngân sách địa ph- ơng và Nhà n- ớc thông qua các khoản thuế, lệ phí phải nộp. Các khoản đóng góp và phải nộp cho địa ph- ơng cũng nh- cả n- ớc thông qua các loại thuế, phí và lệ phí trong quá trình hoạt động ổn định của dự án lên tới hơn 01 tỷ VNĐ hàng năm. Đồng thời dự án cũng đem lại những tác động tích cực vào sự tăng tr- ởng kinh tế của địa ph- ơng nói riêng tỉnh Thái Nguyên và cả n- ớc nói chung.

2. Hiệu quả xã hội

Nhờ có giống chất l- ợng cao, đến năm 2010 có thể đ- a giá trị ngành chăn nuôi lên đến 50% tỷ trọng ngành nông nghiệp giải quyết công ăn việc làm cho 7.300 lao động (riêng ngành chăn nuôi lợn).

Phát triển ngành chăn nuôi lợn là nghề khai thác có hiệu quả những tiềm năng sẵn có tại địa ph- ơng, tăng giá trị hàng hoá sản phẩm nông nghiệp, tăng doanh thu cho ng- ời lao động đặc biệt là tăng thu nhập cho ng- ời nông dân.

Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, cơ cấu cây trồng vật nuôi theo h- ớng tập trung chuyên canh, chuyên môn hoá cao, tạo ra nhiều sản phẩm thịt lợn chất l- ợng tốt có tỷ lệ nạc cao, nhiều sản phẩm thuỷ đặc sản đáp ứng nhu cầu thị yếu ngày càng tăng của xã hội và ngành xuất khẩu.

Phát triển ngành chăn nuôi làm cho bộ mặt nông thôn thay đổi bề sâu lẫn chiều rộng theo hướng văn minh hiện đại, tạo tiền đề cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

CH- ỜNG VII: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI

TR- ỜNG

Hạn chế ô nhiễm môi tr- ờng trong chăn nuôi đã và đang rất đ- ợc quan tâm ở nhiều quốc gia trên thế giới. Phân và n- ớc thải từ các cơ sở chăn nuôi gia súc thải ra là một nguồn chất thải lớn gây ô nhiễm môi tr- ờng. Các khí độc đặc biệt nh- khí NH₃ tạo ra trong môi tr- ờng chăn nuôi gây ảnh h- ưởng lớn tới sức khỏe ng- ời. Môi tr- ờng chăn nuôi kém làm giảm năng suất và sức khỏe vật nuôi.

Bên cạnh hệ thống chuồng trại và xử lý chất thải liên tục đ- ợc cải tiến, các n- ớc chăn nuôi phát triển đang sử dụng các hóa chất hấp thụ mùi, bổ sung các hợp chất sinh học vào thức ăn nhằm giảm thiểu việc thải Nitơ và hạn chế mùi hôi thối ở phân. Bổ sung chế phẩm sinh học và thức ăn nuôi lợn thịt là giảm hàm l- ượng khí NH₃, giảm tỷ lệ chết, nâng tăng trọng và giảm tiêu tốn thức ăn.

Song song với việc xây dựng hệ thống chuồng trại thông thoáng chuồng trại của n- ớc ngoài cho phù hợp với điều kiện khí hậu ở n- ớc ta, bổ sung chế phẩm vào thức ăn để giảm mùi hôi thối ở phân, thì việc nghiên cứu xử lý chất thải bằng công nghệ sinh học Biôga và trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ mang lại nhiều lợi ích góp phần hạn chế đáng kể ô nhiễm môi tr- ờng trong chăn nuôi.

Công nghệ xử lý chất thải đảm bảo không gây ô nhiễm môi tr- ờng. Trong trang trại sẽ xây dựng các công trình xử lý theo quy định về chất thải chăn nuôi. Đ- ợc xử lý bằng cách ủ trong hầm Biôga, lấy khí ga để phục vụ sản xuất, chất thải có thể sử dụng làm nguồn chăn nuôi cá và chăm sóc cây trồng mang lại hiệu quả cao.

1. L- U L- ỢNG N- ỚC THẢI

L- u l- ợng n- ớc thải có thể đánh giá qua l- ợng n- ớc cấp sử dụng của trang trại hoặc dựa trên số l- ợng lợn nuôi và tiêu chuẩn dùng n- ớc trên đầu lợn. N- ớc sử dụng cho các hoạt động sản xuất của trang trại là nguồn n- ớc ngầm do khoan giếng và khai thác ở độ sâu khoảng 30 — 100m. Chất l- ợng n- ớc rất tốt, đáp ứng tiêu chuẩn sử dụng chăn nuôi. Trong hoạt động của dự án, n- ớc đ- ợc sử dụng cho mục đích sau:

- N- ớc dùng cọ rửa chuồng trại
- N- ớc dùng cho lợn uống
- N- ớc dùng cho hệ thống phun s- ơng

- N- ớc dùng để sát trùng.

Tổng đàn lợn theo quy mô định hình của [dự án](#) là khoảng 3.700 con trong đó có 1.200 nái sinh sản, 5 lợn đực giống, 50 con lợn hậu bị, khoảng 2.400 lợn con tách mẹ. L- ợng chất thải: phân, n- ớc tiểu, n- ớc rửa chuồng (khi cần thiết) tạo ra chừng 30m³/ngày.

Theo tính toán l- ợng phân và n- ớc tiểu thải ra trong một ngày đêm của lợn các loại nh- sau:

Loại lợn	L- ợng phân (kg/ngày)	N- ớc tiểu (lít/ngày)
Lợn d- ới 10kg	0,5 — 1,0	0,3 — 0,7
Lợn từ 15 — 45 kg	1,5 — 3,0	0,7 — 2,0
Lợn từ 45 — 100 kg	3,0 — 5,0	2,0 — 4,0

2. THÀNH PHẦN VÀ TÍNH CHẤT N- ỚC THẢI CHĂN NUÔI LỢN

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tr- ớc xử lý	Sau xử lý	Mức giảm (%)
1	Tổng số vi sinh vật	CFU/ml	0,37.10 ⁷	0,27.10 ⁷	27,0
2	Coliform	CFU/ml	0,17*.10 ⁶	0,086*.10 ⁶	48,4
3	E.coli	CFU/ml	1,15**.10 ³	0,585.10 ³	49,1
4	Trứng giun	Số trứng/500ml	4025	0	100
5	COD	Mg/l	3916***	1431	63,45
6	BOD ₅	Mg/l	963	603	37,39

Kết quả xét nghiệm cho thấy n- ớc thải trong chăn nuôi lợn có hàm l- ợng chất hữu cơ t- ơng đối cao (v- ợt quá tiêu chuẩn xả vào nguồn loại B từ 50 — 60 lần COD và BOD). Hàm l- ợng chất xơ lơ lửng cũng v- ợt quá mức chỉ tiêu cho phép xả vào nguồn B. Mặc khác trong n- ớc thải có chứa các vi sinh vật gây bệnh và trứng giun sán sẽ ảnh h- ưởng đến sức khỏe của ng- ời dân nếu xả trực tiếp ra ngoài tiếp nhận mà không qua xử lý, cần phải có các biện pháp xử lý thích hợp. Chủ đầu t- tính toán thiết kế và xây dựng hoàn chỉnh một hệ thống xử lý n- ớc thải này để đạt tiêu chuẩn xả vào nguồn loại B. Sau đây là bảng tiêu chuẩn xả vào nguồn loại A và B.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Nguồn loại A	Nguồn loại B
Nhiệt độ	0°	40	40
PH		6 - 9	6 — 9

COD	Mg/lít	50	100
BOD	Mg/lít	20	50
SS	Mg/lít	50	100
Ammonia	Mg/lít	0,1	1,0

3. SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ XỬ LÝ PHÂN VÀ N- ỚC TIỂU

Nghiên cứu tham khảo, khảo sát thị trường cho thấy các công nghệ xử lý phân và n-ớc tiểu của Châu Âu áp dụng ở Việt Nam không phù hợp nên trang trại áp dụng công nghệ xử lý phân và n-ớc tiểu của Viện Môi trường và Tài nguyên thiết kế. Sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý phân và n-ớc tiểu được trình bày trong sơ đồ sau đây:

Toàn bộ đường cấp thoát chất thải đều dùng bằng ống nhựa PVC Φ 200 kín, ngoài ra trang trại còn phải dùng hầm ủ phân, phân lợn được tập trung vào hầm ủ với thời gian l- u là 20 ngày, phân để sử dụng cho mục đích bón cây...

Thiết kế và thi công trạm xử lý n-ớc thải cho bất kỳ ngành công nghiệp nào là vấn đề không thể thiếu khi đất n-ớc đang phát triển. N-ớc thải chăn nuôi lợn phải được xử lý trước khi thải ra ngoài, bảo vệ môi trường khỏi sự ô nhiễm bởi các chất hữu cơ, vô cơ, vi sinh vật... là yêu cầu trước tiên trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay.

Công nghệ xử lý các chất thải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trang trại sẽ xây dựng công trình xử lý của Viện Công nghệ Môi trường và Tài nguyên thiết kế.

CH- ƠNG VIII: KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

Phát triển ngành chăn nuôi lợn là tận dụng khai thác hợp lý và hiệu quả mọi nguồn nhân lực của xã hội và địa ph- ơng, nhằm tạo ra nhiều sản phẩm thịt có chất l- ợng cao từ các nguồn sản phẩm nông nghiệp, thuỷ sản, phế phụ phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế cho xã hội. Góp phần quan trọng thúc đẩy xây dựng nông thôn theo h- ớng công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

Dự án đ- ợc đầu t- , xây dựng bởi ... , một công ty trẻ nh- ng nhiều khát vọng kinh doanh, có đội ngũ nhân viên năng lực chuyên môn cao, nghiệp vụ và tác phong chuyên nghiệp. Đây là những điều kiện thuận lợi để dự án thành công, đ- a Thái Nguyên thành điểm sáng về chuyển đổi giống cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế cao so với cả n- ớc.

Dự án ký hợp đồng hợp tác chặt chẽ với ... Việt Nam trong việc đảm bảo đầu vào, đầu ra, kỹ thuật chăn nuôi, thức ăn gia súc. Đây là điều kiện quan trọng đảm bảo dự án hoạt động thành công và ổn định.

Dự án đ- ợc xây dựng hoàn toàn phù hợp với nhu cầu hiện tại cũng nh- chủ tr- ơng kích cầu của chính phủ, chiến l- ợc phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà n- ớc đề ra, góp phần đẩy nhanh công cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất n- ớc, vì mục tiêu "Dân giàu, n- ớc mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

So với các dự án khác thì dự án chăn nuôi lợn nái siêu nạc đ- ợc xem là rất thuận lợi. Do có kế hoạch mua sắm trang thiết bị cũng nh- kế hoạch hoạt động một cách hợp lý có thuận lợi lớn trong việc thâm nhập thị tr- ờng.

Toàn bộ ph- ơng án của dự án này đều có tính khả thi, điểm cân bằng lỗ lãi hợp lý, sau khi đầu t- xây dựng xong đi vào hoạt động sẽ thu đ- ợc hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội cao. Dự án này có tác động trực tiếp giúp ngành chăn nuôi phát triển, an ninh môi tr- ờng đảm bảo, tạo công ăn việc làm, an ninh xã hội tốt, đem lại đời sống ổn định, ấm no cho nhân dân.

Qua những đánh giá và phân tích một cách khoa học chúng tôi nhận thấy dự án: *Trại chăn nuôi lợn nái siêu nạc mang tính khả thi cao, khả năng bảo*

*toàn vốn và lợi ích kinh tế cao. Vì vậy ...xin kiến nghị nh- sau: **Đề nghị Ngân hàng BIDV Thái Nguyên xem xét cho vay vốn tín dụng để đầu t□ cho dự án với:***

- Số tiền vay: **10.000.000.000đ** (chiếm 66,7% so với tổng mức đầu t-)
- Thời gian vay: **6 năm**
- Thời gian ân hạn: **1 năm**
- Lãi suất: Theo quy định của Ngân hàng Đầu t- và Phát triển Thái Nguyên

Công ty cam kết sẽ hoàn trả nợ vay đầy đủ trong thời hạn vay vốn.

Thái Nguyên, ngày.....tháng....năm 2009

...